

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **140/2020/HS-ST**
Ngày: 14-7-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Châu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Hùng Dương;

2/ Ông Phạm Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 144/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2020/QĐXXST – HS ngày 30/6/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Văn L, sinh năm: 1978 tại tỉnh Bình Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 36/6, tổ 4, khu 12, phường C thành phố T, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở: Khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ; có vợ Đoàn Thị Kim G (đã ly hôn) và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/5/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Mỹ K, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 80, khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/01/2020, bà Lê Thị H, sinh năm 1962, cư trú tại khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng một số đồng phạm khác về hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền tại nhà số 445, đường N, đoạn thuộc tổ 78, khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau đó, bà H

cùng các đồng phạm đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định tạm giữ để tiến hành điều tra, xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngay sau khi biết tin bà Lê Thị H bị bắt, chị Nguyễn Thị Mỹ K, sinh năm 1985, cư trú tại tổ 80, khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (là con ruột của bà H) do lo lắng bà H có tuổi cao nhưng bị giam giữ sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe nên chị K muốn tìm người để nhờ xin giúp cho bà H được Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một cho bảo lãnh tại ngoại thì có người quen là Trần Văn X, sinh năm 1978, cư trú tại tổ 1, khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương nói chị K đến gặp Phan Văn L hiện đang sinh sống tại căn nhà ở địa chỉ số 238/8, đường T, khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương để nhờ giúp đỡ cho bà H được trả tự do. Nghe vậy, chị K liền tìm đến gặp L và qua nói chuyện thì L đoán chị K không am hiểu pháp luật nên L nói dối với chị K là L có “ông chú có chức vụ cao có thể giúp cho bà H được Công an trả tự do trong thời gian tạm giữ” và L nói nếu chị K muốn L giúp đỡ cho bà H được trả tự do sau 03 ngày tạm giữ thì chị K phải đưa cho L số tiền là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng hoặc trả tự do sau 09 ngày tạm giữ thì chị K phải đưa cho L số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Do tin tưởng vào những lời hứa hẹn của Phan Văn L nên vào buổi tối ngày 28/01/2020, chị Nguyễn Thị Mỹ K đã đến nhà số 238/8 T, khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương để gặp và đưa cho L số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Khi nhận tiền L hứa hẹn sẽ giúp cho bà H được trả tự do trong 03 ngày. Đến ngày 29/01/2020, chị K nói L phải giúp cho bà H được trả tự do chậm nhất là vào tối ngày 29/01/2020, nếu không thì L phải trả lại cho chị K số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và L đồng ý. Tuy nhiên, đến tối ngày 29/01/2020, do chị K không thấy bà H được trả tự do nên chị K yêu cầu L phải trả lại số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng nhưng L hẹn đến ngày 31/01/2020 sẽ trả đủ số tiền. Đến ngày 31/01/2020, chị K đến nhà L để lấy lại tiền thì L không chịu giao chị K để trả tiền mà tiếp tục hẹn đến ngày 07/02/2020 L mới trả tiền cho chị K.

Đến ngày 02/02/2020, do chị Nguyễn Thị Mỹ K vẫn không thấy bà Lê Thị H được trả tự do còn Phan Văn L thì tránh mặt mà không chịu trả lại số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng nên chị K đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một để tố cáo Phan Văn L về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đồng thời chị K cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một toàn bộ các nội dung trao đổi qua tin nhắn giữa chị K bằng điện thoại Iphone 8 Plus, số imel 354829095903XXX, có gắn sim số: 0937.036.0XXX với L thông qua số điện thoại 0919.682.XXX và nhắn tin qua ứng dụng Zalo với tài khoản “L” của L đăng ký bằng số điện thoại 0919.682.XXX.

Qua công tác kiểm tra, xác minh ban đầu, ngày 05/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một đã triệu tập Phan Văn L đến làm việc và L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của L như đã nêu trên. Tuy nhiên, L khai số tiền chiếm đoạt được của bị hại Nguyễn Thị Mỹ K, L sử dụng để tham gia đánh bạc ở nước Campuchia thì Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một không có cơ sở để tiến hành điều tra làm rõ để xử lý về hành vi này của L.

Đối với chị Nguyễn Thị Mỹ K khi đưa tiền cho Phan Văn L với mục đích nhờ L giúp cho mẹ ruột chị K là bà Lê Thị H được trả tự do để bảo lãnh tại ngoại về hành vi phạm Tội đánh bạc. Tuy nhiên, khi chị K đưa tiền cho L thì L không nói rõ là L nhờ người có chức vụ, quyền hạn cụ thể nào có thể cho bà H được tại ngoại. Do đó, hành

vi trên của chị K chưa đủ yếu tố cấu thành Tội đưa hối lộ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một không đặt vấn đề để xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với Trần Văn X, quá trình điều tra X xác định khi X kêu chị K đến gặp L để nhờ giúp cho bà H được trả tự do thì X sau đó không biết Phan Văn L thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị K nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một không đặt vấn đề để xử lý trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1959, cư trú tại khu phố Hóa Nhứt, phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (là mẹ của Phan Văn L) đã thay mặt L bồi thường cho chị Nguyễn Thị Mỹ K số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Hiện chị K không có yêu cầu gì khác đối với L.

Đối với vật chứng thu giữ của Phan Văn L, gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu bạc, số imei 353314070247XXX, có gắn sim số 09196.682.XXX và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, có gắn sim số 0888.697.XXX, quá trình điều tra xác định đây là tài sản cá nhân của L không liên quan đến hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xử lý theo quy định.

Cáo trạng số 158/CT-VKS-HS ngày 03/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Phan Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn L mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm đến 05 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu bạc, số imei 353314070247XXX, có gắn sim số 0919.682.XXX và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, có gắn sim số 0888.697.XXX.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can cùng những tài

liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào tháng 01/2020, trên địa bàn khu phố 5, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Phan Văn L đã dùng thủ đoạn gian dối là đưa ra thông tin L có “ông chú có chức vụ cao” có khả năng lo cho bà Lê Thị H được trả tự do để bảo lãnh tại ngoại về hành vi phạm Tội đánh bạc để chiếm đoạt của con bà H là chị Nguyễn Thị Mỹ K số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền 50.000.000 đồng cho bị hại; bị cáo phải cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con nhỏ, là lao động chính trong gia đình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ nhân thân cũng như các tình tiết trong vụ án, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú ổn định và đã bồi thường thiệt hại cho bị hại. Căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần tạo điều kiện cho bị cáo được tự cải tạo, sửa chữa bản thân, làm người có ích cho xã hội. Do đó, mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về biện pháp tư pháp: Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu bạc, số imei 353314070247XXX, có gắn sim số 0919.682.XXX và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, có gắn sim số 0888.697.XXX là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến vụ án nên trả cho bị cáo.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

1/ Tuyên bố bị cáo Phan Văn L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2/ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn L 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (14/7/2020).

Giao bị cáo Phan Văn L về Ủy ban nhân dân phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời hạn thử thách.

Trong thời hạn thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về biện pháp tư pháp: Trả cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu bạc, số imei 353314070247XXX, có sim số 0919.682.XXX và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, có gắn sim số 0888.697.XXX.

(Thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 136.20 ngày 04/6/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Công an thành phố Thủ Dầu Một).

5/ Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Châu Giang